

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư đón chờ kết quả cuộc họp của Fed tại ngày 15/6/2022 với kỳ vọng cơ quan này sẽ tăng lãi suất thêm 0.5 - 0.75%.

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm khi nhà đầu tư thận trọng trước cuộc họp FED liên quan đến việc nâng lãi suất trong bối cảnh lạm phát ở mức cao và rủi ro về suy thoái

## [Thông tin doanh nghiệp]

NLG, ANV

## [Cập nhật công ty]

VHM

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị trải hạ dần tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn tại các vùng kháng cự gần đối với cổ phiếu mục tiêu

15/06/2022

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,213.93	-1.33
VN30	1,253.09	-0.64
HĐTL VN30F1M	1,251.30	-1.34
HNXIndex	283.25	-2.35
HNX30	503.28	-3.14
UPCoM	88.65	-2.17
USD/VND	23,200	-0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.31	+6
Lãi suất qua đêm (%)	0.48	+24
Dầu (WTI, \$)	117.83	-0.92
Vàng (LME, \$)	1,823.32	+0.82



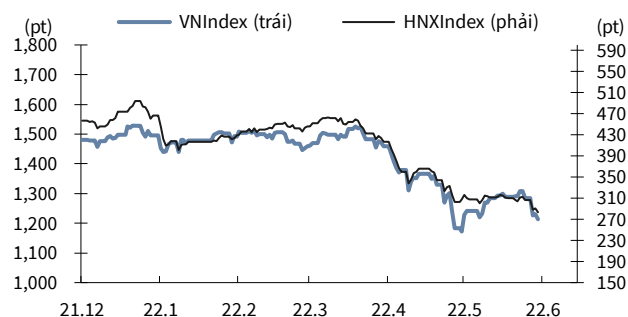
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,213.93 (-1.33%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>688.1 (+40.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>709.8 (+13.5%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>283.25 (-2.35%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>84.2 (+31.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>60.9 (+4.6%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>88.65 (-2.17%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>55.6 (-3.3%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>51.5 (+2.7%)</b>

TTCK giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư đón chờ kết quả cuộc họp của Fed tại ngày 15/6/2022 với kỳ vọng cơ quan này sẽ tăng lãi suất thêm 0.5 - 0.75%. Hiệp hội mía đường Việt Nam (VSSA) cho biết các nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu tiêu thụ đường giảm thấp nên các loại đường giá rẻ có nguồn gốc nhập khẩu đặc biệt là đường lậu đang hoàn toàn làm chủ thị trường và khiến cho đường sản xuất từ mía buộc phải giảm giá mạnh, cổ phiếu ngành đường giảm ở LSS (-4.4%), QNS (-0.4%). OPEC vẫn duy trì dự báo nhu cầu dầu thế giới sẽ tăng 3.36 triệu thùng/ngày vào năm 2022, kéo dài sự phục hồi từ đợt sụt giảm năm 2020 và vượt qua mức trước đại dịch COVID-19, cổ phiếu dầu khí tăng ở BSR (+0,6%). Khối ngoại bán ròng ở DGC (+0.2%), VNM (-2.4%), VND (-6.9%).

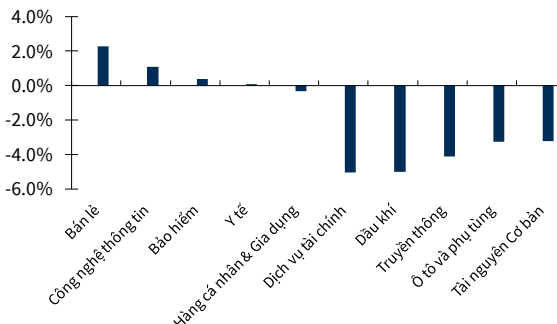
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -7.5**

## VNIndex & HNXIndex



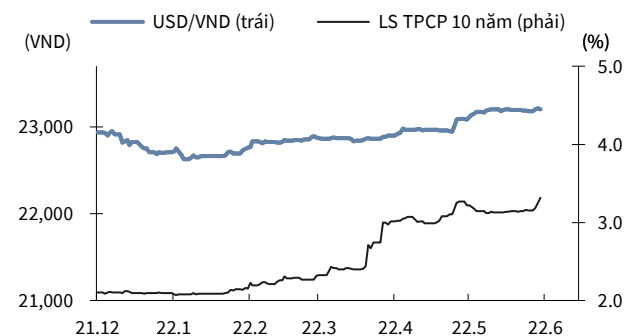
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



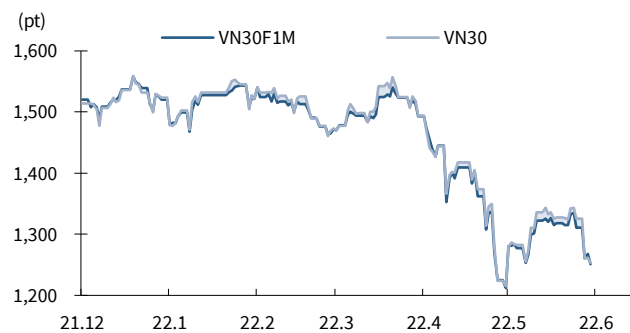
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,253.09 (-0.64%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,251.3 (-1.34%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,268.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,270.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,235.3</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>378,142 (+3.8%)</b>

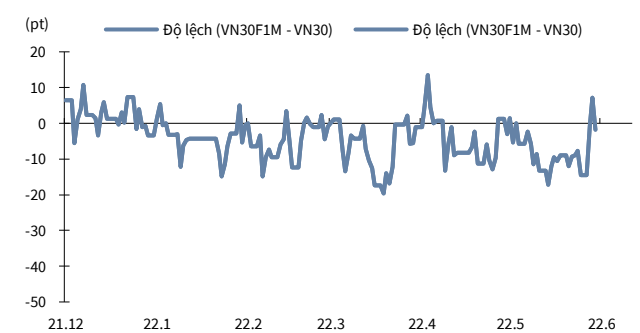
Các HĐTL giảm điểm khi nhà đầu tư thận trọng trước cuộc họp FED liên quan đến việc nâng lãi suất trong bối cảnh lạm phát ở mức cao và rủi ro về suy thoái. Chênh lệch F2206 và chỉ số VN30 biến động ở mức dương trong hầu hết phiên giao dịch quanh mức 4.5 điểm trước khi đảo chiều trong cuối phiên giao dịch xuống mức -2.12 điểm và đóng cửa tại mức -1.79 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên giao dịch với thanh khoản thị trường tăng nhẹ, duy trì ở mức cao.

## HĐTL VN30F1M & VN30



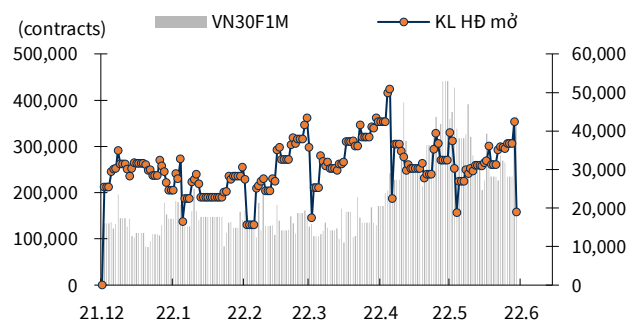
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



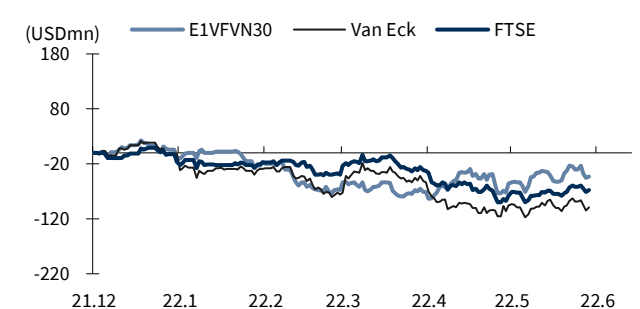
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

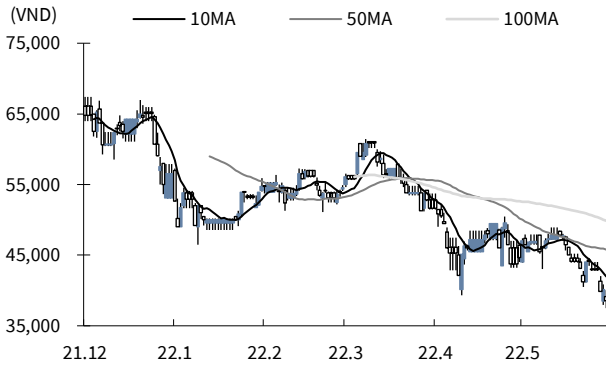
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

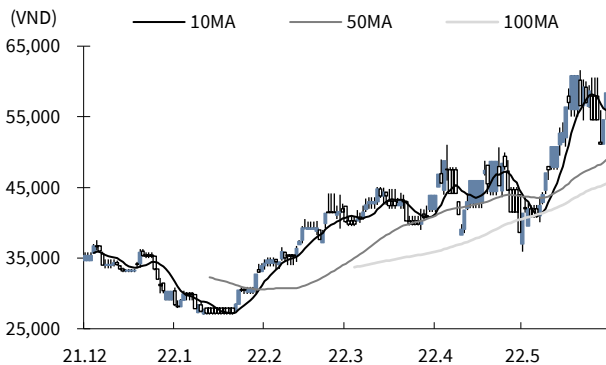
## CTCP Đầu tư Nam Long (NLG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NLG giảm 3.9% xuống 38,550 VND/cp
- CTCP Đầu tư Nam Long ước tính thực hiện khoảng 35% kế hoạch doanh số năm 2022 sau 5 tháng đạt trên 7,800 tỷ đồng.
- NLG cho biết sẽ tiếp tục triển khai hàng loạt khu đô thị lớn như Southgate (Waterpoint giai đoạn 1 - 165 ha), Mizuki (26 ha), Izumi City (170 ha), Akari, Nam Long - Cần Thơ (43 ha), Nam Long Đại Phước (45 ha),... với mục tiêu tổng doanh số đạt 2 tỷ USD trong 3 năm tới.

## CTCP Nam Việt (ANV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ANV tăng 7% lên 58,400 VND/cp
- CTCP Nam Việt đặt kế hoạch lãi 1,000 tỷ, gấp 6.6 lần năm 2021. ANV đặt mục tiêu tiếp tục áp dụng công nghệ cao để tự chủ về con giống cá tra chất lượng cao, đầu tư sản xuất Collagen và Genlatin, công suất 780 tấn/năm (dự kiến tháng 7/2022 hoàn thành và đưa vào sử dụng).
- ANV cho biết quý 1/2022 ghi nhận lãi ròng hơn 206 tỷ đồng, tăng hơn 3.2 lần cùng kỳ. Nguyên nhân nhờ giá thủy sản xuất khẩu sang các thị trường tăng mạnh 40 – 70%.

14/06/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga  
 ngaphb@kbsec.com.vn

### Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu thị trường Bất động sản (BDS)

Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu phân khúc BĐS nhà ở với thị phần trong phân khúc căn hộ ở tất cả các phân khúc trong giai đoạn 2016-2021 lên tới 27%, cao hơn so với doanh nghiệp đứng thứ 2 là 4%. Vinhomes hiện đang sở hữu quỹ đất lên tới 168 triệu m<sup>2</sup> sàn giúp đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận và giữ vững thị phần trong các năm tới.

### Dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire ghi nhận kết quả bán hàng tích cực

Dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire nằm tại Hưng Yên đã được Vinhomes mở bán vào cuối tháng 4 với khoảng 5,800 sản phẩm thấp tầng với giá bán từ 1,300-2,200 USD/m<sup>2</sup> sàn. Dự án ghi nhận tỉ lệ hấp thụ cao nhờ vị trí thuận tiện cũng như cơ sở hạ tầng được đầu tư mạnh mẽ.

### Hoàn thành việc bán hàng tại ba dự án và mở bán các đại dự án mới là The Empire, Wonder Park, Đại An và Cổ Loa

Ba đại dự án *Ocean Park*, *Smart City* và *Grand Park* được kỳ vọng sẽ sớm hoàn thành việc bán hàng trong năm 2022. Trong khi đó, các dự án lớn mới là *The Empire*, *Wonder Park*, *Đại An* và *Cổ Loa* dự kiến sẽ được mở bán trong năm nay với phần lớn là các sản phẩm thấp tầng có tiềm năng tăng giá tốt qua đó đảm bảo triển vọng kết quả bán hàng của Vinhomes trong ngắn và trung hạn. Tổng giá trị hợp đồng ký mới trong năm 2022 và 2023 ước tính lần lượt đạt 88 nghìn tỷ VND (+11%YoY) và 98 nghìn tỷ VND (+12%YoY).

### Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 103,300VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu Vinhomes với giá mục tiêu là 103,300/cp, cao hơn 56% so với giá đóng cửa ngày 14/06/2022.

## Mua duy trì

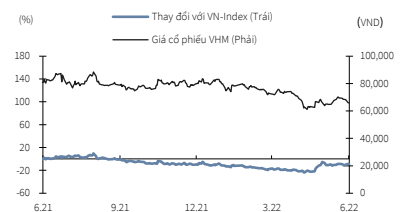
Giá mục tiêu	103,300VND
Tăng/giảm (%)	56%
Giá hiện tại (14/06/2022)	66,000VND
Giá mục tiêu đồng thuận	99,600VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	287.4/12.4

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	23.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	288.0/12.5
Sở hữu nước ngoài (%)	26.6%
Cổ đông lớn	Vingroup (66.66%)

Biến động giá cổ phiếu (%)				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0	-10	-15	-18
Tương đối	-4	7	-1	-9

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	71,547	84,986	110,125	126,591
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	37,306	47,665	47,399	56,955
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	27,351	38,825	36,845	44,363
EPS (VND)	8,166	8,916	8,462	10,188
Tăng trưởng EPS (%)	26	9	-5	20
P/E (x)	8.36	7.66	9.37	7.78
P/B (x)	2.67	2.38	2.05	2.04
ROE (%)	36	35	22	27
Tỷ suất cổ tức (%)	7	1	3	

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

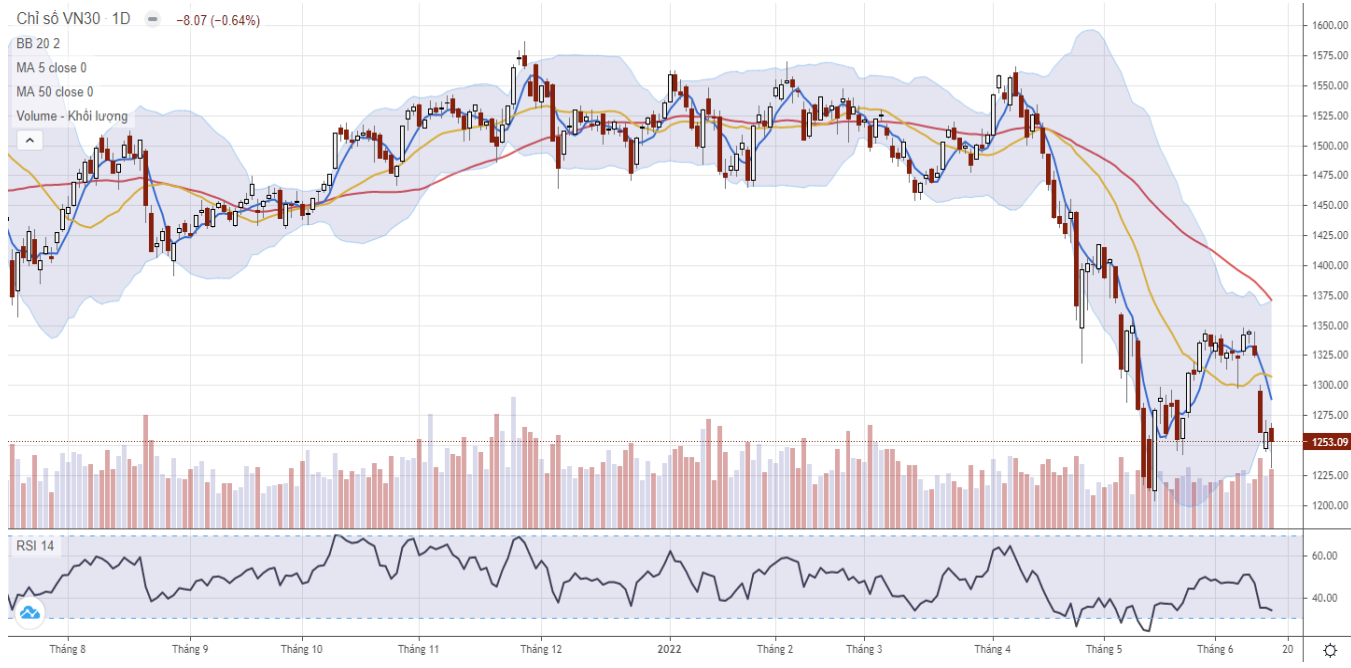
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



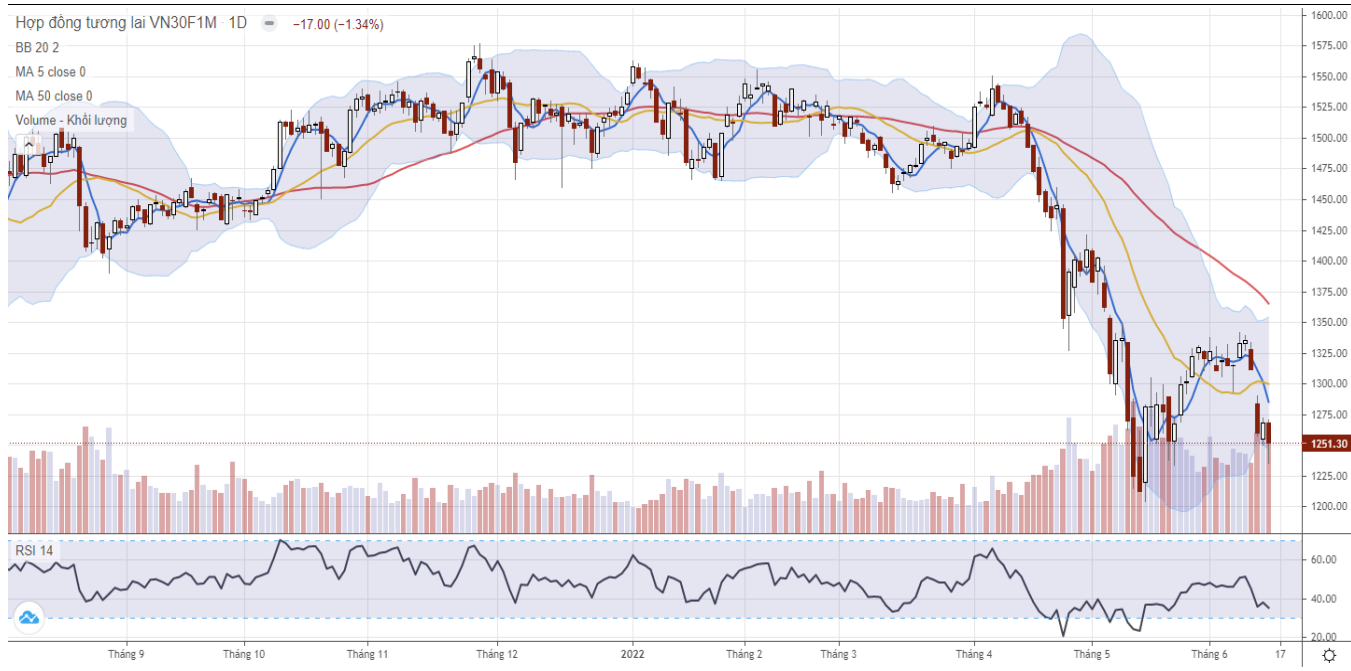
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp lao dốc mạnh trong phiên trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ 1200 vẫn đang đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý cho chỉ số trong ngắn hạn và tín hiệu phục hồi khi chạm hỗ trợ về cuối phiên giúp cho trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù vậy, trong kịch bản VNIndex đánh mất vùng hỗ trợ trên, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh và phá đáy ngắn hạn cần được tính đến
- NĐT được khuyến nghị trải hạ dần tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn tại các vùng kháng cự gần đối với cổ phiếu mục tiêu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1277 - 1280

Kháng cự gần: 1266 - 1270

Hỗ trợ gần: 1236 - 1240

Hỗ trợ xa: 1215 - 1220

— F1 trải qua một nhịp lao dốc mạnh trong phiên trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.

— Vùng hỗ trợ 1230 vẫn đang đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý cho chỉ số trong ngắn hạn và tín hiệu phục hồi khi chạm hỗ trợ về cuối phiên giúp cho trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù vậy, trong kịch bản F1 đánh mất vùng hỗ trợ trên, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh và phá đáy ngắn hạn cần được tính đến

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

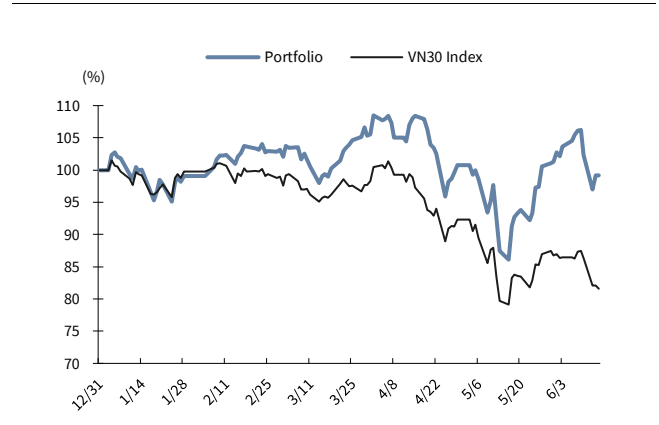
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.64%	0.01%
Tăng lũy kế (YTD)	-18.40%	-0.86%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/06/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	147,700	2.9%	91.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	61,500	1.8%	2.0%	- Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	118,000	1.7%	53.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	169,100	-0.5%	-11.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	90,800	0.3%	207.1%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	90,500	1.6%	210.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	24,500	-3.0%	29.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	124,000	-1.6%	68.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	29,400	-3.0%	103.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	42,900	-0.2%	213.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHC	2.0%	25.4%	37.0
VGC	5.5%	4.5%	33.2
HPG	-3.0%	20.8%	31.4
NLG	-3.9%	37.3%	30.5
DGW	2.4%	26.6%	25.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DGC	0.2%	15.8%	-85.3
VNM	-2.4%	54.4%	-177.8
VND	-6.9%	17.9%	-59.7
VIC	0.1%	12.4%	-56.0
MSN	-0.3%	28.9%	-65.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	0.0%	2.9%	4.1
PVI	3.9%	58.4%	3.2
IVS	0.0%	71.5%	0.3
SD5	-2.1%	2.3%	0.3
CEO	-8.4%	0.7%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-7.1%	8.3%	-15.6
THD	9.8%	1.3%	-1.0
IDC	-3.9%	1.9%	-0.6
PVC	-4.5%	0.6%	-0.6
VCS	-3.0%	3.2%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-2.6%	DMC, VDP
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.5%	NT2, VSH
Bất động sản	-4.7%	SJS, HPX
Du lịch và Giải trí	-5.0%	RIC, HOT
Công nghệ thông tin	-5.1%	ST8, ICT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-17.5%	SSI, VND
Dầu khí	-12.6%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-11.3%	HPG, HSG
Truyền thông	-11.3%	ADG, YEG
Hóa chất	-9.9%	GVR, DPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5%	GAS, POW
Bán lẻ	11.7%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	9.6%	FPT, ICT
Hóa chất	9.5%	DGC, DCM
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.5%	PNJ, MSH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-20.7%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	-13.9%	VND, SSI
Du lịch và Giải trí	-5.9%	HVN, VJC
Ô tô và phụ tùng	-5.4%	TCH, HHS
Ngân hàng	-4.5%	CTG, VPB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	144,329 (6.2)	22.5	260.3	91.8	14.7	1.0	3.0	2.8	2.8	0.1	-1.8	-1.7	-19.3	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	218,733 (9.4)	26.6	9.0	7.6	35.9	22.8	21.9	1.9	1.6	-0.2	-3.8	-3.1	-19.6	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	75,619 (3.3)	17.8	29.1	19.3	-7.6	7.3	10.2	2.0	1.9	-0.9	-4.9	14.2	-4.0	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	201,978 (8.7)	31.3	27.3	21.6	6.7	15.1	16.4	3.7	3.2	-0.3	0.0	1.9	-16.0	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	37,973 (1.6)	11.6	18.6	15.2	13.7	12.9	13.8	2.1	2.0	-2.3	-7.7	-3.1	-25.3	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	260,130 (11.2)	13.9	11.2	11.1	-	13.5	11.6	1.3	1.2	-6.9	-9.5	22.0	-40.1	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	72,763 (3.1)	6.3	13.7	11.3	11.7	21.5	22.1	2.6	2.2	-0.6	-3.4	4.8	-2.9	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	34,869 (1.5)	12.7	12.1	9.7	-5.3	16.1	17.2	1.7	1.4	-0.9	-6.7	0.6	-13.7	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	207,648 (9.0)	0.0	5.8	4.8	14.3	20.9	19.9	1.1	0.9	-0.1	-4.2	5.6	-28.6	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	113,003 (4.9)	1.4	6.0	5.3	50.3	18.3	20.5	1.1	0.9	-3.0	-	11.6	2.5	-27.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	333,143 (14.4)	0.0	6.6	6.4	18.8	21.1	17.1	1.3	1.0	0.0	-9.3	-0.5	-19.4	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	206,661 (8.9)	0.0	6.0	4.8	14.6	24.1	22.9	1.2	1.0	-2.4	-	10.9	3.3	-13.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	56,989 (2.5)	4.2	6.6	5.6	23.3	22.4	21.2	1.3	1.1	-1.6	-5.6	10.4	-20.6	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	391,488 (16.9)	14.0	10.4	9.4	26.5	11.6	14.9	1.0	0.9	-1.0	-4.2	1.2	-34.3	
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	89,198 (3.8)	0.0	11.5	6.4	37.4	22.3	21.0	1.3	1.1	0.2	-	-	11.5	-35.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,785 (0.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-	-1.9	-1.3	-1.9	-8.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	84,923 (3.7)	21.0	16.1	13.2	15.8	11.0	12.2	1.6	1.5	0.0	-7.2	1.4	-8.2	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	14,439 (0.6)	14.2	14.8	12.0	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	-1.6	-7.3	1.7	-30.5	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	528,731 (22.8)	55.4	9.2	9.6	-3.2	17.4	12.9	-	-	-7.0	-	-	-56.3	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	181,043 (7.8)	71.9	7.1	-	-4.0	27.1	-	-	-	-5.8	23.1	7.2	-55.8	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	95,754 (4.1)	52.4	6.6	-	-19.0	19.5	-	-	-	-6.8	22.0	-6.8	-59.5	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	239,463 (10.3)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.9	-	21.3	11.4	-41.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	125,928 (5.4)	42.1	14.9	13.6	4.0	28.0	28.8	3.9	3.6	-2.4	-9.2	-2.4	-25.3	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,457 (1.1)	36.9	22.8	19.0	7.3	20.0	21.3	4.1	3.7	1.3	-4.8	-6.6	0.7	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	113,725 (4.9)	16.5	23.5	18.1	-51.9	18.6	21.2	3.6	3.1	-0.3	-	11.1	9.4	-25.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	29,364 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.8	-	18.3	-8.6	-56.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,505 (3.7)	11.0	54.8	-	-88.5	7.7	-	-	-	-0.2	-2.0	-1.1	-3.0	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	177,273 (7.6)	10.8	20.0	16.2	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.1	-1.1	-	12.6	1.0	11.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	108,551 (4.7)	38.4	6.1	29.8	65.7	14.1	2.6	0.8	0.8	-4.9	-	17.8	-4.9	-62.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	33,635 (1.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.8	-	-	-	-80.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	263,237 (11.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.9	-8.1	4.4	-47.1	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	30,874 (1.3)	3.6	46.0	11.1	-52.4	1.3	4.5	-	-	-1.6	-2.8	28.1	-49.8	
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	118,513 (5.1)	0.0	14.0	12.6	-4.5	15.8	14.4	2.0	2.0	0.3	-7.6	28.9	51.1	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtrệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	160,076 (6.9)	46.1	18.5	17.5	-17.5	22.1	20.7	4.1	3.7	-1.6	-3.8	24.0	28.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	43,336 (1.9)	31.4	13.8	13.1	-10.5	15.0	14.5	1.8	1.8	-3.1	6.9	38.3	5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,763 (0.1)	34.1	14.2	7.5	-5.1	8.4	16.0	-	-	-0.6	10.4	1.7	-26.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	750,791 (32.4)	18.0	4.4	4.4	21.9	28.9	23.5	1.1	0.9	-3.0	10.6	18.1	-36.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	320,672 (13.8)	36.5	6.2	9.7	-0.5	36.1	19.2	1.7	1.6	1.8	-7.9	24.2	23.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	256,262 (11.1)	46.5	7.7	11.0	-4.5	35.7	20.6	2.3	2.1	4.9	-3.7	45.1	10.9
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	185,532 (8.0)	38.9	3.6	4.2	67.9	23.1	15.8	0.7	0.6	-6.9	16.9	17.9	-53.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	52,596 (2.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.9	-4.8	10.2	-41.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	59,770 (2.6)	4.6	19.1	15.6	-51.0	11.0	12.3	2.0	1.8	-4.9	12.5	9.8	-23.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	201,364 (8.7)	39.9	39.3	19.6	-11.9	1.9	4.1	0.8	0.8	-5.6	13.3	27.0	-15.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	83,572 (3.6)	35.9	8.8	8.2	2.2	14.6	14.4	1.2	1.2	-3.1	12.7	23.0	-15.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	211,383 (9.1)	0.0	16.9	14.3	14.4	28.1	28.2	4.4	4.0	2.9	-3.7	18.1	8.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	140,492 (6.1)	0.0	19.2	15.2	2.4	22.3	22.2	3.3	2.8	1.7	-7.8	21.0	22.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,186 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.5	12.3	42.7	-10.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	145,137 (6.3)	30.3	19.3	17.0	-75.2	29.8	26.0	-	-	1.6	11.0	25.5	36.8
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	32,731 (1.4)	34.6	9.0	10.3	41.2	33.0	24.6	2.6	2.3	-3.0	12.9	16.8	-10.2
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,214 (0.1)	45.4	13.7	12.6	10.7	22.3	21.7	2.8	2.5	-0.6	-2.4	-4.3	-20.4
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	236,924 (10.2)	0.0	19.4	15.9	15.5	26.5	27.8	4.7	4.0	1.6	-5.6	16.0	16.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.